

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ – ST

Ngày 17/6/2019.

V/v: Xin ly hôn và con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Oanh.

2. Ông Hoàng Văn Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1011/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXX – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2019/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 260 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: 260 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn – Chị Trần Thị Thu T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Minh H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2007 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm

2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2014 cho đến nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa tôi có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 24/8/2010.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh N cho đến khi cháu N trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Minh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/7/2007. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2014 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau. Nay, giữa chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2014 và không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu T và cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 24/8/2010. Cho chị Trần Thị Thu T được nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận

thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh H tại phiên Tòa: Anh H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh H vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Minh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/7/2007 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn, còn cụ thể mâu thuẫn thế nào thì địa phương không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2014 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T đối với anh Nguyễn Minh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau chị T và anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 24/8/2010. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu N đến khi trưởng thành. Khi hai vợ chồng ly thân từ năm 2014 cháu N đều do chị T nuôi dưỡng và chăm sóc, hiện nay cháu N đã trên 07 tuổi, quá trình làm việc cháu N khai tại Tòa án là sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được ở với

mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu Nguyễn Thị Minh N Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Minh N cho chị Trần Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Minh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T. Cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 24/8/2010 cho chị Trần Thị Thu T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Minh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia

đình sơ thẩm mà chị Trần Thị Thu T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008600 ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Hòa Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl